

PHẨM “CÓ”, “KHÔNG” THỨ MƯỜI LĂM

Sở dĩ có phẩm này là do có hai nghĩa gần, xa. Từ trên đến đây, các chỗ của các phẩm đều đã phá “có”, “không”. Chẳng hạn, phẩm. Lục chủng nói: “Nếu khiến cho không có cái “có”, thì làm sao sẽ có cái “không”? Cho đến phẩm Hành nói: “Nếu có pháp “bất không” thì lẽ ra phải có pháp “không”.

Như thế, đều đã phá xong, có điều là từ trên đến đây, chỉ là phá lược, phá tán. Nay, sẽ phá rộng, phá gộp lại, sở dĩ đủ, cần tạo ra cách phá rộng, lược. “Có”, “không” là rễ của các kiến, che lấp gốc Trung đạo. Rễ của các kiến: Như nhân “có”, “không” trở thành “đoạn”, “thường”. Do “đoạn”, “thường” mà sinh ra sáu mươi hai kiến, nên “có”, “không” là rễ của các kiến. Nếu bệnh “có”, “không” diệt, thì các tai họa đều diệt.

Che lấp gốc Trung đạo, nghĩa là luận gần, thì tất cả nhân, quả đều là Trung đạo. Lại, Phật tánh là Trung đạo, như Phật quả Bồ-tát Ca-diếp: “Trước đây, ta không nói Trung đạo là Phật tánh, vì cố sao ông sơ ý lại hỏi.”

Lại, Trung đạo là pháp thân Phật. Như thế, thật tướng Nhất thừa đều là Trung đạo. Nay, vì khởi “có”, “không” thành “đoạn”, “thường”, nên che lấp Trung đạo.

Lại, đức Như lai thường dựa vào hai đế để nói pháp, chỉ hai đế là “hữu” nhân duyên “không”, , mà người ngoài nghe có tạo tác (hữu tác), có hiểu biết (hữu giải) trở thành hữu của tự tánh; nghe “vô tác”, vô giải, trở thành cái “không” của tự tánh, tức là che lấp hai đế; đã che lấp hai đế, thì hai trí không sinh, tức là sẽ không có chư Phật, Bồ-tát ba đời. Vì bệnh này đã nặng, nên lại phải phá.

Lại, sở dĩ có phẩm này là vì có người nói: “Luận này từ đầu đến cuối, phá sạch các pháp, bởi lẽ bác bỏ “có”, nhập “không”, bỏ tục về chân.”

Nay, cho rằng không đúng, vì đã tìm kiếm cái “có” không xu-ất xứ từ đâu, thì bác bỏ cái gì? Tra xét cái “không” chẳng được, thì nhập vào cái gì ư? vì người mê thì chấp “có”; kẻ “hoặc” lại cho rằng “không”. Nay, trách họ không được, nên nói rằng: “phá “có”, “không”. Vì thế, nên phẩm Tác giả nói: “Nghịệp này từ các duyên sinh, giả gọi là “có”, chẳng có quyết định, không phải như thuyết của ông đã nói. Cho nên, biết người ngoài không có cái “có” mà họ đã thấy; cũng không có cái “không” mà họ đã thấy, cho đến năm trường hợp, nên biết “có”,

“không” này chẳng thuộc về hai đế, do đó, không được nói Luận này bỏ “có” vào “không”, vì phải không có đối tượng thấy “có”, “không” của người kia, thì mới được khởi nhân duyên giả gọi “có”, “không”, mới là hai đế chân, tục của Phật.

Lại, người học Đại, Tiểu thừa, nghe nói “có”, “không” là rẫy các kiến che lấp gốc đạo, bèn muốn diệt trừ hai chấp “có”, “không” nay vì phá bệnh của người này nên nói có không vốn bất sanh, nay làm cho sao diệt? Ông nói có “có, không”, tìm chúng lẽ ra phải được, mà đã tìm kiếm chúng không được, thì làm sao nói “có”, “không” ư?

Lại, tất cả người hành đạo, ngồi thiền, học hỏi, như nói: “có đạo để cầu, có thiền đáng ngồi; có nghĩa đáng học, đều là chấp “có”. Không có chẳng phải đạo, cho đến không có phi nghĩa, tức là chấp “không”. Nếu nói : “Đạo chưa từng “có”, “không”, sau cùng, “có” chẳng phải là đạo “có”, “không”, lại là chấp “có”. Nếu không thì đây “chẳng phải đạo “có”, “không”, tức là là “không”. Chính vì vậy, nên chứng bệnh “có”, “không” này rất khó bỏ. Đó là lý do khiến Luận chủ ở các chỗ trong phẩm đều ân cần đả phá “có”, “không”.

Tiếp theo, là phẩm phá Hợp, nói về phá “có”, “không”: Người “hoặc” nói: “Các duyên hòa hợp, thì các pháp liền “có”; nếu các duyên tan rã, thì vạn hóa sẽ “không”. Đã có cái “có”, “không”, thì do đâu không có “hợp”? Lại, phẩm trên đã phá không có “khác”, người ngoài nói rằng: “không có “không” tướng “khác”, có pháp là có “khác”. Đã có cái “có”, không có”, thì có “khác”.

Lại, người ngoài vấn nạn Luận chủ: “Nếu nói không có cái “khác”, thì lẽ ra không có hai đế. Đã có hai đế, thì có cái “khác” của “có”, “không”.

Hỏi: “Có”, “không” là sao?

Đáp: “”Có”, “không” gồm nhiều môn: Nếu nói theo nhân, quả để nói thì Tăng-khư chấp trong nhân “có” quả là “có”. Vệ Thế Sư chấp trong nhân “không” quả là “không”. Lạc-Sa-Bà chấp trong nhân vừa có quả, vừa “không” quả, là “vừa có”, “vừa không”; Tát-bà-đa trong Phật pháp nói ba đời “có”, gọi là “có”; Đàm-Vô-Đức cho rằng hai đời “không”, gọi đó là “không”; Luận Câu Xá nêu ra nghĩa Tiểu thừa của Thiên Thân rằng: “Hiện tại làm nhân cho vị lai thì là “có”; nếu hiện tại không làm nhân cho vị lai thì là “không”, nên vị lai vừa “có”, “vừa không”.

Nghĩa của Ca-Diếp-Tỳ: “Tác nhân dứt diệt quá khứ, gọi là “có”, quả đối đãi khởi rồi mới là diệt vô, đó là quá khứ vừa có vừa không,

nếu y theo người, pháp để nói có không thì ba ngoại đạo đều chấp có “người”, “pháp”, gọi đó là “có”. Ngoại đạo tà kiến bác không có người, pháp, gọi đó là không. Ca-la-cưu-đà ứng vật khởi kiến, người hỏi: là “có” chăng? Liền đáp rằng “có”; có người hỏi: là “không ư?”, liền đáp là “không”, đây gọi là vừa “có”, vừa “không”.

Trong Phật pháp cũng có ba bộ:

1/ Độc tử chấp “có” “người”, “có” “pháp”, gọi là “có”.

2/ Phương quảng chấp “không” “người”, không có “pháp”, gọi là “không”.

3/ Tát-bà-đa chấp “không” “người”, “có” pháp, gọi là vừa “có”, vừa “không”.

Nếu y cứ ở trần, thức để luận về “có”, “không”, thì theo nghĩa của cội Đại thừa, đều nói “có” trần, “có” thức. Nếu theo nghĩa của Phương Quảng nói thì “không” trần, “không” thức. Nếu tâm không có nghĩa, thì sẽ “có” trần, “không” thức. Nếu theo luận Duy thức nói thì “không” trần, “có” thức.

Hỏi: “Vì nhân duyên gì chúng sinh khởi chấp “có”, “không”?”

Đáp: Luận Trí Độ nói: “Người nặng nề ái, thì chấp mắc “có”, kẻ nặng nề chấp thì đắm “không”. Tất cả chúng sinh chỉ có ái, kiến.” Như Pháp Hoa nói trùng độc và quĩ dữ. Lại, người nặng nề bốn kiến, thì đắm “có”; kẻ nặng nề tà kiến thì đắm “không”.

Nay nói những thuyết trên đây, đều là luận thô về “có”, “không”. Người học Đại thừa nhận thức tinh vi về tướng ngăn ngại vi tế của Bồ-tát: nếu khởi tâm “có”, thì gọi là “có”; vừa dấy lên tâm “không”, gọi là “không”.

Nay, vì dứt những quan niệm về “có”, “không”, như đã dẫn trên đây, nên nói, phẩm phá “có”, “không”.

Phẩm này được chia làm hai:

1/ “Lìa” phá “có”, “không”

2/ “Hợp” phá “có”, “không”

Lìa, hợp đều có bốn, trong lìa có bốn:

1/ Phá tự “có”

2/ Phá tha “có”

3/ Phá tự, tha, ngoại “có”

4/ Phá “không”

Phá “có” đầu tiên: “Tất cả chúng sinh, đầu tiên vốn thấy “có”, sau, gặp tà sư, mới khởi kiến chấp “không”.

Lại, “có” trong bốn quan điểm là quan điểm đầu tiên. Trước hết,

văn xuôi lập nói “có” tánh, nhờ duyên mà được sinh. Nếu pháp kia “không” tánh, thì dù nhờ duyên nhưng, cuối cùng, cũng không được sinh.

Trong phần đáp, nửa bài kệ trên, là nhắc lại bác bỏ chung, nói các duyên và tánh hai nghĩa trái nhau. Nếu có tự tánh, thì không nhờ duyên, nếu nhờ duyên thì mất tánh, ông nói có tánh lại nhờ các duyên, thì nghĩa sẽ thành mâu thuẫn.

Nửa bài kệ dưới, phá: “Tánh chất của bình trong đất sét, không phải là do các duyên làm ra. Nay, nếu nhờ duyên thì là pháp tạo tác. Đây là tánh chất của thể tánh, nếu có tự thể thì sẽ không nhờ duyên, mà đã nhờ duyên, thì không có tự thể.”

Hỏi rằng: “ v.v... trở xuống, là sinh bài kệ thứ hai, bị Luận chủ trách cứ: “Nếu tánh từ các duyên tạo nên, thì có lỗi gì ư? Vì pháp hữu vi của người ngoài đều nhờ vào bốn duyên, tánh đã là hữu vi, thì cũng cần các duyên làm ra.

Trong phần đáp, nửa bài kệ trên, là nhắc lại mà bác bỏ chung. Nửa kệ dưới, là giải thích, nêu ra nghĩa của người ngoài, nói tánh không phải do nhân duyên làm ra, giống như thờ lửa, có thể được phát sinh do nhờ nhân công, các duyên, tánh chất lửa trong gỗ do ai tạo ra ư? Phải biết rằng, tánh này xưa nay đã “có”, chứ không phải do các duyên sinh. Nếu nhờ các duyên sinh thì là vốn “không”, nay “có”, sẽ rơi vào nghĩa “không” của hai đời.

Hỏi rằng: “ v.v... trở xuống, là sinh ra đoạn thứ hai, tiếp theo, là phá tha tánh. Có tự tánh, tức là nghĩa “có” của hai đời; tha tánh, tức là nghĩa “không” của hai đời. Vì không có tự tánh, nên phải nhờ các duyên, rồi sau đó mới được sinh.

Tự tánh đối với các duyên, các duyên đối với tự tức là tha, trong phần đáp nửa bài kệ trên, lấy tự so sánh với tha; nửa bài kệ dưới, là giải thích, phá. Giải thích ý phá tự tánh đối với tha tánh cũng gọi là tha tánh, đã không có tự không có tha tánh (tánh người khác).

Đối với văn xuôi, thì tha đối với tha, tức là tự tánh. Đã không có tự tánh, thì cũng không có tha tánh. Đầu tiên, văn xuôi dùng hai nghĩa để phá tự tánh:

1/ Y cứ vào môn nhân thành để phá

2/ Y cứ ở môn đối đãi nhau để phá.

Về sau, cũng dẫn hai nghĩa để phá tha tánh. Như một cây cột vì có hai nhân giả, bốn cực vi mà thành, nên nó không có tự tánh; vì không có tự tánh nên “không”, tức nhân thành “không”. Nếu có cây cột, thì sẽ là

có chiều dài, ngắn. Nếu ngắn có tự thể, thì không do ở dài mà có ngắn nên ngắn không có tự thể, cho nên ngắn “không”. Nhưng vì hề tự “có”, thì tha “có”, nên phải luận cho kỹ: nếu giữ lấy chương đầu, để tạo nên hiểu biết rằng: “Người khác có cái “có”, để “có” chẳng phải do không nên có đây có đã là tự có. Nay, không có cái “có”, để “có”, vì “không” cho nên “có”, thì không phải là tha “có”, nếu nay do không nên có thì chẳng phải tha có, tha chẳng do không cho nên có lẽ ra không tự có. Lại, người khác chẳng do “không” cho nên “có”, đã là nghĩa tánh nay do không cho nên có gọi là nghĩa giả. Đã là tánh tương đối giả, lẽ ra cũng là tự, tha tương đối.

Hỏi rằng: “ v.v... trở xuống, là sinh cái “có” ở ngoài mình, người. Trước, ý hỏi rằng: “Các pháp, không thể có tự, tha, sau cùng, lẽ ra có vận pháp của thế đế. Lại, chính ông không thừa nhận có tánh nhất định của mình, người lẽ ra phải có cái “có” quả nhân duyên không tự, không tha?”

Trong phần đáp, nửa bài kệ trên, nói lia tự, tha, thì không còn có pháp nào nữa.

Nửa bài kệ dưới, nêu tất cả pháp thuộc về tự, tha, , có tự, có tha, tức là có pháp; không có tự, không có tha, tức là không có pháp.

Nói tự, tha, nghĩa là y cứ vào hai nghĩa để luận:

1/ Như thể tánh của con người trong năm ấm là “tự”; năm ấm là “tha”.

2/ Vì con người trong ấm là “tự”. Ngoài tự ấm, thì tất cả các pháp đều là “tha”. Cho nên, tự, tha, thấu nhiếp hết nghĩa pháp. Như “người”, đương “người” là “tự nhân”; “pháp”, đương “pháp” là tự pháp, thiên hạ không có chi chẳng phải “tự”. Đã nói: “không có “tự”, thì không có tất cả pháp.

Lại, đối với nhau của môn “tha”, không có chi không phải là “tha”. Pháp “tha”, thì tất cả pháp cúng phá hết. Tự, tha kết hợp cũng phá hết. Bình là “tự”; ngoài “bình” ra, tất cả đều là “tha”.

Hỏi rằng: “ v.v... trở xuống, là phần thứ tư, phá “không”. Cũng “không” có ba ý:

1/ Bản tông lập “không”. Như nói thế đế là “có”; chân đế nhất định là “không”.

2/ Trên, Luận chủ đã tìm “có”, chẳng có xuất xứ, người ngoài bèn chấp “không”.

3/ Ở trên, Luận chủ đã mượn “không” để phá “có”, người ngoài bèn tóm lấy phá làm lập, cho nên chấp “không”.

Nửa bài kệ trên trong phần đáp, chính là phá. nửa bài kệ dưới, là giải thích về phá:

“Có”, “không” là một thể, khác thể, cả hai đều không thành, bởi nếu là một thể: thì “có”, “không” “không”, tức là “không”.

Thể “khác” của “có”, “không”: “không” cái để đối đãi, đối đãi, nên cũng chẳng có cái “không”.

Lại, ông chấp “có”, đã là luống dối; chấp “không”, cũng phát ra tình ngang trái, nên cả hai nghĩa đều sai.

Lại, xưa, nay ông đã chủ trương là “không”, thì đâu được nói “không”.

“Nếu người nào thấy “có”, “không” v.v... trở xuống, là phần thứ hai, hợp phá “có”, “không”; phá lý có bốn; phá hợp cũng có bốn:

1/ Y cứ bài kệ đầu, nêu lên bốn lỗi của người ngoài để quả trách họ.

2/ Kệ thứ hai, là dẫn lời Phật nói, nhằm khuyên họ bỏ “có”, “không”.

3/ Hai bài kệ, phá lại không có cái “có”, giải thích thành nghĩa bỏ.

4/ Hai kệ, chỉ ra lỗi “có”, “không”, để phá lý do “có”, “không”.

Văn xuôi nói rằng: “Phải tìm kiếm kiến chấp “có”: chấp “có” ở đây không phải là chấp “có” trong “có”, “không”, mà chính là tẻ ửa đấm sâu đậm các pháp, nên phải tìm kiếm đối tượng chấp “có”.

“Đức Phật diệt trừ được “có”, “không” v.v... trở xuống, là phần thứ hai, dẫn kinh, khuyên bỏ chấp “có”, “không”, e người ngoài sẽ nói rằng: “Luận chủ đã tự ý phá “có”, “không”, đâu hẳn là đáng tin. Vì thế, nên nay nói chính Đức Phật khuyên bỏ, cần phải lãnh thọ.”

Hỏi: “Đây là kinh Tiểu thừa hay kinh Đại thừa ư?”

Đáp: “Đây là kinh Tiểu thừa. Sở dĩ dẫn kinh Tiểu thừa là để chứng minh rằng, trong kinh Tiểu thừa còn phá “có”, “không”, hướng chỉ kinh Đại thừa. Lại, nếu y cứ ở chấp “có”, “không”, thì không phải chỉ Đại thừa không thâm nhập, mà còn không phải người học Tiểu thừa, cho nên dẫn kinh Tiểu thừa kinh Đại Phẩm dẫn việc Tiên-ni đắc tin, cũng dẫn Tiểu thừa để so sánh Đại thừa, nói Tiểu thừa còn nói “pháp không”, hướng chỉ Đại thừa ư?”

“Nếu pháp thật sự có tánh v.v... trở xuống, là phần thứ ba, dùng hai bài kệ lại phá “có”, “không”, giải thích thành khuyên bỏ, chỉ vì tìm kiếm chứng không có xuất xứ, đành vọng nói là “có”, nên Phật mới khuyên bỏ. Hai bài kệ được chia làm hai:

1/ Y cứ môn có tánh, để phá “khác”

2/ Bài kệ thứ hai, đều căn cứ môn Vô tánh để phá “khác”.

Hỏi: “Vì sao phá khác?”

Đáp: “Vì người mê lầm cho rằng, các pháp nội, ngoại vì đều đối khác, nên có pháp “có”, vì có pháp “có”, tức có pháp “không”. Nay, tìm kiếm sự đối khác không có xuất xứ, tức không có pháp “có”. Pháp “có” đã “không”, thì pháp “không” cũng “không”.

Lại phá “khác”: “Hoặc có người cho rằng, xưa “không”, nay “có” là sinh, thì không có đối khác là “có”. Đã “có” lại “không” là diệt, có đối khác là “không”.

Nay, đã phá “khác”, là phá cả “có”, “không”.

Nửa trên của bài kệ thứ hai, nhắc lại, môn có tánh ở trước không “khác”. Đây là phá nghĩa của ngoại đạo tỳ-đàm. Nửa bài kệ dưới, phá Thành thật và pháp trung giả nói rằng, có cái khác của Vô tánh của nhân duyên.

Nhất định “có” thì chấp “thường” v.v... trở xuống, là hai kệ thứ tư, là biểu thị rõ lỗi “có”, “không”, giải thích kế là ý phá “có”, “không”: Sở dĩ kinh và luận của Chư Phật, Bồ-tát nói về phá “có”, “không”, là vì “có”, “không” là cội rễ của các kiến chấp che lấp gốc chánh quán, cho nên phá bỏ.

Lại, chỉ rõ lỗi “có”, “không”, nhằm khuyên người ngoài ruộng bỏ “có”, “không”. Nếu “có”, “không” chẳng có lỗi, thì Chư Phật, Bồ-tát đã chẳng khuyên từ bỏ, vì chúng là lỗi lớn, nên cần phải bỏ.

Kệ đầu, là nêu “có”, “không” là đoạn, thường.

Kệ tiếp theo, là giải thích “có”, “không” là đoạn, thường.

Nửa kệ trên, là nêu “có”, “không” là đoạn, thường.

Nửa kệ dưới, là khuyên bỏ “đoạn”, “thường” là cội gốc của mười bốn nạn, là rễ của sáu mươi hai kiến. Có kiến thì có ái, ái, kiến đã đầy đủ, thì như bản của triền lại sinh. Đã có phiền não tức là có nghiệp, vì có “hoặc”, “nghiệp” nên trôi lăn trong sáu đường.

Vì có lỗi lớn này, nên nửa bài kệ dưới, khuyên bỏ.

Văn xuôi nói rằng: “Như nói ba đời, đây là nghĩa của Tát-bà-đa”.

Lại nói: “Trong nhân trước đã “có” quả, đây là chấp của Tăng-khư.

Trước trong, nay ngoài đều rơi vào “thường”, đoạn diệt, gọi là không có nhân nối tiếp nhau, nghĩa là niệm trước là nhân, niệm sau là quả, quả của niệm sau khởi, thì đâu được đáp đền ư?

Trước là phá “thường”, là phá nghĩa của Vệ-thế, với Tăng-khư. Nay, phá đoạn là phá hai đời “không” và nghĩa của Lưu-Lâu-Ca.

Lại, trước phá riêng hai nhà, nay, phá chung nghĩa nhân trước, quả sau. Bài kệ thứ hai, giải thích “có”, “không” là lý do của đoạn, thường, luận thô đoạn, thường, gồm có hai thứ:

1/ “Pháp” đoạn, thường 2/ “Người” đoạn, thường

Ấm diệt, thân diệt, đây là “người” đoạn, ấm diệt, thân còn, gọi là “người” thường.

Pháp đoạn, thường: Như ba đời có bộ, gọi là pháp thường. Hai đời không có nghĩa, tức là pháp đoạn, vì đều là luận thô về đoạn, thường.

Hỏi: “Có”, “không” là đoạn, thường là sao?”

Đáp: “Vả, căn cứ ở sự tạo tác của con người. Con người do ấm “có” thì không có tự thể. Nếu con người có tự thể, thì không nhờ ấm hình thành. Vì ấm dù đoạn diệt, nhưng người vẫn tồn tại, nên là thường. Bình, cột cũng vậy, nên “có” là “thường”, nhưng nhân, quả nối tiếp nhau, gọi là không đoạn. Nay, nhân đã diệt mất, “không”, thì quả sẽ không có nối tiếp, nên “không” tức là đoạn. Nếu đối với quán không có chứng đắc của Đại thừa, thì vừa khởi có tâm, tức sẽ rơi vào “thường”; gạn khởi không có niệm, là đã nhập vào “đoạn”.

Hỏi: “Khởi những gì là “có”, “không”, đoạn, thường?”

Đáp: “Gặp việc, đều được biện luận, nêu cương yếu của tông chỉ ấy, chính là đạo. Nếu nói có đạo để cầu, thì sẽ rơi vào có trung, gọi là “thường kiến”. Nếu không có đạo để cầu, thì sẽ rơi vào không có trung, gọi là “đoạn kiến”. Phẩm Thành, Hoại nói: “Nếu có pháp đã được thọ nhận, thì sẽ rơi vào đoạn, thường.”
